

Số: 4666 /GPMT-STNMT

Long An, ngày 22 tháng 06 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 51/2021/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Long An ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An;

Căn cứ Quyết định số 2935/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2022 của UBND tỉnh Long An về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn về thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Long An;

Xét Văn bản số 05/CV-GPMT ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y Tân Tạo về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Bệnh viện Đại học Y Tân Tạo (quy mô 100 giường) và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y Tân Tạo, địa chỉ tại Lô 10, đường Đức Hòa Hạ, KCN Tân Đức, ấp Bình Tiên 1, xã Đức Hòa Hạ, tỉnh Long An, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Bệnh viện Đại học Y Tân Tạo (quy mô 100 giường)” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Bệnh viện Đại học Y Tân Tạo (quy mô 100 giường).

1.2. Địa điểm hoạt động: Tòa nhà Tân Đức Sky, Lô số 10, đường Đức Hòa Hạ, KCN Tân Đức (giai đoạn 1), xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:



Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 1101381089 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 06 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 01 tháng 07 năm 2022.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 2713870500 do Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Long An cấp, chứng nhận lần đầu ngày 25/5/2022 (cấp điều chỉnh từ Giấy chứng nhận đầu tư số 50221000291 cấp lần đầu ngày 22/12/2011 và chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 04/6/2015).

1.4. Mã số thuế: 1101381089

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Bệnh viện đa khoa.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

1.6.1. Phạm vi: Tòa nhà Tân Đức Sky, Lô số 10, đường Đức Hòa Hạ, KCN Tân Đức (giai đoạn 1), xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam với diện tích 9.340m².

1.6.2. Quy mô:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

- Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

1.6.3. Công suất: 100 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y Tân Tạo

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y Tân Tạo có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải,

phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép là **10 năm** (từ ngày 22 tháng 6 năm 2023 đến ngày 21 tháng 6 năm 2033).

Điều 4. Giao Phòng Quản lý môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Bệnh viện Đại học Y Tân Tạo (quy mô 100 giường)” của Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y Tân Tạo theo quy định của pháp luật. / *ngyl*

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Sở Y tế;
- Ban Quản lý Khu kinh tế;
- UBND huyện Đức Hòa;
- UBND xã Đức Hòa Hạ;
- Chủ đầu tư;
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Đức;
- Trang Thông tin điện tử của Sở;
- Lưu: VT, QLMT, Phát.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Tân Thuận



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 4446.../GPMT-STNMT
ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Nước thải phát sinh tại dự án được thu gom, đầu nối vào hệ thống thu gom, thoát nước thải của Khu công nghiệp Tân Đức nên dự án không thuộc đối tượng cấp phép xả nước thải (theo quy định tại Điều 39 Luật bảo vệ môi trường).

Công ty Cổ phần Đại học Y Tân Tạo đã ký Hợp đồng xử lý nước thải với Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Đức (chủ đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Tân Đức).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải

1.1.1. Mạng lưới thu gom nước mưa

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

Nước mưa tại khu vực các tầng và trên mái Bệnh viện được thu gom bằng các máng xối, dẫn bằng ống nhựa uPVC D90, D114, D140, D168, D200 xuống mặt đất và chảy tràn vào các hố ga thu nước mưa (kích thước $D \times R = 500\text{mm} \times 500\text{mm}$). Các hố ga thu nước mưa chạy dọc quanh khuôn viên Bệnh viện và đường nội bộ, sau đó theo đường cống BTCT D400-D600, $i=0,4\%$ đổ ra cống thoát nước ngoài đường giao thông của Khu công nghiệp Tân Đức. Toàn bộ lượng nước mưa được thu gom theo hệ thống cống thoát nước mưa BTCT D300-D400-D600, dài 315m chạy dọc quanh 02 bên của bệnh viện và đường nội bộ, sau đó tự chảy nối vào 02 đường cống thoát nước mưa như sau:

- Đường cống BTCT D400m, $i=0,4\%$ có tổng chiều dài 12m với 01 hố ga (kích thước $D \times R = 500\text{mm} \times 500\text{mm}$, tại các hố thu nước mưa sẽ có bộ phận chắn rác trước khi vào hệ thống thoát nước mưa nội bộ) đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của Khu công nghiệp Tân Đức tại 01 điểm đầu nối nước mưa nằm ngoài hàng rào dự án trên đường Đức Hoà Hạ với tọa độ $X=1193675$; $Y=579302$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^\circ 45'$, múi chiều 3°).

- Đường cống BTCT D600m, $i=0,4\%$ có tổng chiều dài 25m với 01 hố ga trung gian (kích thước $D \times R = 800\text{mm} \times 800\text{mm}$) và 01 hố ga (kích thước $D \times R = 500\text{mm} \times 500\text{mm}$, tại các hố thu nước mưa sẽ có bộ phận chắn rác trước khi vào hệ thống thoát nước mưa nội bộ) đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của Khu công nghiệp Tân Đức tại 01 điểm đầu nối nước mưa nằm ngoài hàng rào dự án trên đường số 7 với tọa độ $X=1193676$; $Y=579331$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^\circ 45'$, múi chiều 3°)

1.1.2. Mạng lưới thu gom nước thải

Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa. Toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom theo hệ thống thoát nước thải nội bộ.

Nước thải phát sinh tại dự án chủ yếu là nước thải sinh hoạt và nước thải y tế.

Nước thải sinh hoạt từ các khu nhà vệ sinh bố trí trong khuôn viên dự án với lưu lượng phát sinh tối đa $140,4 \text{ m}^3/\text{ngày}$ ($k=1,3$) được thu gom và xử lý qua 08 bể tự hoại có tổng thể tích 141 m^3 , sau đó theo đường ống uPVC D200-D300, $i=0,3\%$ với tổng chiều dài 110m, tự chảy ra các hố ga thoát nước thải nội bộ của Bệnh viện (kích thước $D \times R = 400 \text{ mm} \times 400 \text{ mm}$) rồi tiếp tục theo đường ống uPVC D300, $i=0,3\%$ dài 15m, chảy ra hố ga (kích thước $D \times R = 1.200 \text{ mm} \times 1.200 \text{ mm}$) đầu nối nước thải với KCN Tân Đức tại 01 vị trí nằm trên đường số 7 với toạ độ $X = 1193643$; $Y = 579298$ (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^\circ 45'$, múi chiều 3°), sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Tân Đức giai đoạn 1 để xử lý bảo đảm đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

Nước thải y tế từ khu vực khám, chữa bệnh với lưu lượng phát sinh tối đa khoảng $58,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$ ($k=1,3$) được thu gom bằng đường ống uPVC D114-D200, $i=0,3\%$ với tổng chiều dài 135m và xử lý qua hệ thống xử lý nước thải của dự án, công suất $70 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Nước thải sau xử lý theo đường ống uPVC D200, $i=0,3\%$, với tổng chiều dài 43m chảy ra hố ga (kích thước $D \times R = 1.200 \times 1.200 \text{ mm}$) đầu nối nước thải với KCN Tân Đức tại 01 vị trí nằm trên đường số 7 với toạ độ $X = 1193674$; $Y = 579271$ (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^\circ 45'$, múi chiều 3°), sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Tân Đức giai đoạn 1 để xử lý bảo đảm đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- 08 bể tự hoại có thể tích là 141 m^3 tại vị trí các khu vệ sinh trong khuôn viên dự án.
- 01 hệ thống xử lý nước thải, công suất $70 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ tại vị trí trong khuôn viên dự án.

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải y tế $\rightarrow$ Hố thu gom $\rightarrow$ Bể điều hoà $\rightarrow$ Bể SBR $\rightarrow$ Bể khử trùng $\rightarrow$ Hố ga lấy mẫu $\rightarrow$ Hệ thống thu gom nước thải của KCN Tân Đức.

STT	Tên hạng mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Thiết bị
1	Hố thu	01	$L \times B \times H = 2 \text{ m} \times 1 \text{ m} \times 3,1 \text{ m}$ Thể tích bể: $6,2 \text{ m}^3$	- Song chắn rác thô - Bơm nước thải - Đầu dò mực nước
2	Bể điều hoà	01	$L \times B \times H = 2 \text{ m} \times 1,7 \text{ m} \times 3,5 \text{ m}$ Thể tích bể: $11,9 \text{ m}^3$	- Bơm nước thải - Đầu dò mực nước - Máy sục khí chìm
3	Bể SBR	02	$L \times B \times H = 3,1 \text{ m} \times 1,7 \text{ m} \times 3,5 \text{ m}$	- Máy sục khí chìm

STT	Tên hạng mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Thiết bị
			Thể tích bể: 18,4 m ³	- Thiết bị đo DO - Van điện dẫn nước thải qua bể khử trùng - Bơm bùn
4	Bể khử trùng	01	L x B x H = 3,6m x 1,0m x 1,6m Thể tích bể: 5,76 m ³	- Bơm hóa chất trực ngang - Bơm định lượng NaOCl - Hệ thống cánh khuấy bồn pha dung dịch NaOCl - Bồn chứa dung dịch NaOCl
5	Bể chứa bùn	01	L x B x H = 2,0m x 1,7m x 3,5m Thể tích bể: 11,9 m ³	

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại và mạng lưới thu gom, thoát nước thải; Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất rắn; hút hầm bể tự hoại định kỳ.

Tuân thủ các yêu cầu và quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Bể tự hoại không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Hệ thống xử lý nước thải, công suất 70 m³/ngày thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 45 ngày (thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm từ tháng 07/2023)

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm (hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 70 m³/ngày đêm).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tại vị trí trước xử lý (tại bể thu gom).
- Tại vị trí sau xử lý (hồ ga giám sát nước thải trước khi thoát ra hệ thống cống thoát nước chung của KCN).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Chất ô nhiễm chính: pH, BOD₅, COD, TSS, Sunfua, Amoni (tính theo N), phosphat (tính theo P), Tổng nitơ, Tổng phốt pho, tổng dầu mỡ khoáng, Coliform, Salmonella, Shigella, Vibro cholerae.

- Giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Tân Đức (QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp và QCVN 28:2010/BTNMT, cột B: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế).

2.3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Chủ đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Tân Đức, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Tân Đức để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

3.3. Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 4.666./GPMT-STNMT
ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Khu vực máy phát điện dự phòng, công suất 350KVA.
- Nguồn số 02: Khu vực máy bơm tại trạm xử lý nước thải tập trung, công suất 70 m³/ngày.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1193676.95, Y = 579331.55.
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1193711.48; Y = 579247.16.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
70	55	-	Tất cả các điểm ngoài sát hàng rào dự án (khu vực thông thường)

Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

3.2. Độ rung

Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
70	60	-	Tất cả các điểm ngoài sát hàng rào dự án (khu vực thông thường)

Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Máy phát điện dự phòng được đặt trong phòng kín cách âm, bố trí tại khu vực riêng biệt trong khuôn viên tòa nhà.
- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su cho đế máy phát điện.
- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc thiết bị đảm bảo động cơ hoạt động ổn định.
- Đảm bảo mật độ diện tích trồng cây xanh trong khu vực bệnh viện đạt tối thiểu 20% tổng diện tích dự án để giảm lan truyền tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

2.3. Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT) và độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT) và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành. Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số.../GPMT-STNMT
ngày 22 tháng ... năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	6.875
2	Hóa chất thải bỏ bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 01 02	30
3	Dược phẩm gây độc tế bào	13 01 03	01
4	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân (như nhiệt kế)	13 03 02	01
5	Các bình chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoàn toàn	13 03 03	100
6	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	05
7	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	16 01 13	02
8	Giẻ lau dính dầu	18 02 01	05
9	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	05
10	Bao bì mềm thải	18 01 01	10
11	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	10
12	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 06	10
13	Dầu tổng hợp số và bôi trơn thải	17 02 03	20
14	Chất thải là vỏ chai thuốc, lọ thuốc, các dụng cụ dính thuốc gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	18 01 03	350
15	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	12 06 05	4.000
	TỔNG KHỐI LƯỢNG		11.424



1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải thông thường từ hoạt động khám chữa bệnh		
-	Chất thải không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm (Giấy đã qua sử dụng; thùng carton; Vỏ chai, lọ, túi đựng thuốc hoặc hoá chất; dụng cụ dính thuốc hoặc hoá chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất)	13 01 05	540
-	Hoá chất thải không chứa thành phần nguy hại	13 01 06	
-	Dược phẩm không có thành phần gây độc đối với tế bào	13 01 07	
2	Bùn thải nạo vét từ cống thoát nước thải, nước mưa	12 06 10	1.000
	TỔNG KHỐI LƯỢNG		1.540

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	280,9
	TỔNG KHỐI LƯỢNG	280,9

1.4. Chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Thùng chứa riêng đối với từng loại chất thải, có nắp đậy được để tại kho chứa chất thải nguy hại.

- Bùn thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung được lưu giữ trong bể chứa bùn, dung tích khoảng 11,9 m³.

2.1.2. Khu vực lưu chứa

- 01 kho lưu giữ chất thải nguy hại lây nhiễm:

+ Diện tích khoảng 5 m² trong khu nhà chứa chất thải.

+ Thiết kế cấu tạo: Tường gạch, mái tôn, nền chống thấm, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển báo dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

- 01 kho lưu giữ chất thải nguy hại không lây nhiễm:

+ Diện tích khoảng 5 m² trong khu nhà chứa chất thải.

+ Thiết kế cấu tạo: kho chứa khép kín, tường bao quanh, nền chống thấm, có hố ga thu gom chất thải lỏng, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển báo dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

Chất thải rắn công nghiệp thông thường được phân loại và lưu giữ tại các thùng chứa có nắp đậy.

2.2.2. Khu vực lưu chứa

- Diện tích kho lưu giữ: khoảng 7 m² đặt tại khu nhà chứa chất thải.

- Thiết kế, cấu tạo: Tường gạch, mái tôn, nền bê tông.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa

Các thùng nhựa có nắp đậy.

2.3.2. Khu vực lưu chứa

- Diện tích kho lưu giữ: khoảng 7 m² đặt tại khu nhà chứa chất thải.

- Thiết kế, cấu tạo: Tường gạch, mái tôn, nền bê tông.

- Rác thải sinh hoạt được hộ lý các khoa chuyển về kho chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu nhà chứa chất thải, hàng ngày được các đơn vị có chức năng phù hợp thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất: Thiết kế nhà kho chứa hóa chất hóa chất theo TCVN 5507:2002 và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 28/12/2017 của Chính phủ về hướng dẫn Luật hóa chất; Trường hợp rơi ngã thiết bị chứa hóa chất nhưng không tràn đổ hóa chất ra môi trường: tiếp tục di chuyển kiện hàng hóa chất đến vị trí chất xếp, sử dụng (kiểm tra lại chất lượng thiết bị chứa trước khi chất xếp); Trường hợp tràn đổ, rò rỉ hóa chất: thông tin cho mọi người xung quanh được biết sự cố, cách ly khu vực có hóa chất bị rò rỉ bằng các biển cảnh báo, người cảnh giới, cách ly càng xa càng tốt, nhân viên Đội ứng phó sự cố có mặt tại hiện trường nhanh chóng trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, sử dụng các vật liệu thấm hút (giẻ lau nếu tràn đổ ít hay dùng cát nếu tràn đổ nhiều) hoặc dụng cụ xúc đồ để thu gom hóa chất tràn đổ, lưu chứa vào thùng phuy rộng và lưu giữ tại kho chứa chất thải nguy hại chờ mang đi xử lý theo quy định, sử dụng phương tiện di chuyển thiết bị chứa hóa chất bị vỡ, tràn đổ đến lưu chứa tại kho chất thải

nguy hại chờ mang đi xử lý theo quy định; áp dụng các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất được duyệt, theo quy định khác.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, 124, 125, 126 Luật bảo vệ môi trường.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố bể tự hoại: thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, bể tự hoại đầy phải tiến hành hút hầm cầu.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải: Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại: Khu lưu giữ chất thải được chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống thoát nước: Không xây dựng các công trình trên đường ống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối van, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Nhà máy, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số.../GPMT-STNMT
ngày... tháng... năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động, đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.
3. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.
4. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc của dự án.
5. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.
6. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án về Sở Tài nguyên và Môi trường **trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm** công trình xử lý chất thải để được kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định. Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải về Sở Tài nguyên và Môi trường trong **thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm** công trình xử lý chất thải.
7. **Chậm nhất là 10 ngày** sau khi được cấp giấy phép môi trường, Chủ dự án thực hiện công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Chủ dự án hoặc tại trụ sở UBND cấp xã nơi hoạt động dự án.
8. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải y tế và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

9. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

10. Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo quy định tại Mẫu số 05.A Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; kỳ báo cáo tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12, gửi báo cáo trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo.

11. Chủ đầu tư phải gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường trước khi hết hạn 6 tháng theo đúng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 30 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.